



**UBND THÀNH PHỐ SƠN LA**  
**PHÒNG GD&ĐT THÀNH PHỐ SƠN LA**

**DANH SÁCH HỌC SINH TRÚNG TUYỂN BỔ SUNG VÀO LỚP 6 TRƯỜNG THCS NGUYỄN TRÃI, NĂM HỌC 2025-2026**

*(Kèm theo Quyết định số 77/QĐ-GD&ĐT ngày 21/6/2025 của Trường phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố)*

| TT | SBD | Họ và tên học sinh  | Ngày tháng năm sinh | Dân tộc | Học sinh trường tiểu học | Năm hoàn thành CTTH | Điểm Tiếng Việt | Điểm Tiếng Anh | Điểm Toán | Điểm năng lực | Điểm KQGD | Điểm xét tuyển | Ghi chú |
|----|-----|---------------------|---------------------|---------|--------------------------|---------------------|-----------------|----------------|-----------|---------------|-----------|----------------|---------|
| 1  | 044 | Nguyễn Diệp Anh     | 15/07/2014          | Kinh    | Chiềng Lè                | 2025                | 7,0             | 7,2            | 6,625     | 20,825        | 50        | 91,650         |         |
| 2  | 551 | Hà Hoàng Yến Nhi    | 22/03/2014          | Thái    | Ngọc Linh                | 2025                | 7,25            | 6,0            | 7,5       | 20,750        | 50        | 91,500         |         |
| 3  | 437 | Phạm Lê Phúc Lộc    | 25/01/2014          | Kinh    | Quyết Tâm                | 2025                | 5,75            | 7,1            | 7,875     | 20,725        | 50        | 91,450         |         |
| 4  | 183 | Tạ Thùy Chi         | 26/04/2014          | Kinh    | Lò Văn Giá               | 2025                | 6,0             | 6,45           | 8,25      | 20,700        | 50        | 91,400         |         |
| 5  | 006 | Hoàng Bình An       | 08/07/2014          | Mường   | Ngọc Linh                | 2025                | 5,75            | 7,1            | 7,75      | 20,600        | 50        | 91,200         |         |
| 6  | 506 | Vũ Minh Nghĩa       | 24/02/2014          | Kinh    | Chiềng Lè                | 2025                | 6,5             | 7,35           | 6,75      | 20,600        | 50        | 91,200         |         |
| 7  | 274 | Phạm Thanh Hằng     | 03/03/2014          | Kinh    | Ngọc Linh                | 2025                | 5,75            | 6,05           | 8,75      | 20,550        | 50        | 91,100         |         |
| 8  | 634 | Điêu Chính Thiên    | 07/06/2014          | Thái    | Chiềng Lè                | 2025                | 7,0             | 9,05           | 5,5       | 21,550        | 48        | 91,100         |         |
| 9  | 138 | Nguyễn Thanh Bình   | 23/03/2014          | Khơ-mú  | Quyết Thắng              | 2025                | 7,0             | 6,4            | 7,125     | 20,525        | 50        | 91,050         |         |
| 10 | 137 | Lê Huy Bình         | 17/04/2014          | Kinh    | Chiềng Sinh              | 2025                | 7,0             | 6,0            | 7,5       | 20,500        | 50        | 91,000         |         |
| 11 | 472 | Lò Quang Minh       | 01/05/2014          | Thái    | Chiềng Xôm               | 2025                | 5,5             | 7,0            | 8,0       | 20,500        | 50        | 91,000         |         |
| 12 | 142 | Bùi Bảo Châu        | 02/08/2014          | Kinh    | Tô Hiệu- Mai Sơn         | 2025                | 6,75            | 4,8            | 8,875     | 20,425        | 50        | 90,850         |         |
| 13 | 167 | Nguyễn Diệp Chi     | 26/05/2014          | Kinh    | Ngọc Linh                | 2025                | 7,5             | 5,65           | 7,25      | 20,400        | 50        | 90,800         |         |
| 14 | 136 | Vũ An Bình          | 28/11/2014          | Kinh    | Chiềng Lè                | 2025                | 5,75            | 7,25           | 8,375     | 21,375        | 48        | 90,750         |         |
| 15 | 286 | Bùi Trần Ngọc Hân   | 13/03/2014          | Kinh    | Ngọc Linh                | 2025                | 6,0             | 7,6            | 6,75      | 20,350        | 50        | 90,700         |         |
| 16 | 204 | Đỗ Phương Ngọc Diệp | 19/12/2014          | Kinh    | Bình Minh                | 2025                | 5,8             | 6,55           | 8,0       | 20,300        | 50        | 90,600         |         |



| TT | SBD | Họ và tên học sinh  | Ngày tháng năm sinh | Dân tộc | Học sinh trường tiểu học | Năm hoàn thành CTTH | Điểm Tiếng Việt | Điểm Tiếng Anh | Điểm Toán | Điểm năng lực | Điểm KQGD | Điểm xét tuyển | Ghi chú |
|----|-----|---------------------|---------------------|---------|--------------------------|---------------------|-----------------|----------------|-----------|---------------|-----------|----------------|---------|
| 17 | 633 | Cà Thị Bảo Thiên    | 17/08/2014          | Thái    | Kim Đồng                 | 2025                | 6,75            | 4,55           | 9,0       | 20,300        | 50        | 90,600         |         |
| 18 | 287 | Lương Minh Hiếu     | 10/01/2014          | Kinh    | Ngọc Linh                | 2025                | 6,5             | 5,9            | 7,9       | 20,275        | 50        | 90,550         |         |
| 19 | 417 | Đoàn Thị Mai Linh   | 06/06/2014          | Kinh    | Trần Quốc Toàn           | 2025                | 6,75            | 6,15           | 7,375     | 20,275        | 50        | 90,550         |         |
| 20 | 643 | Nguyễn Thị Anh Thư  | 20/06/2014          | Kinh    | Quyết Thắng              | 2025                | 6,75            | 7,25           | 6,25      | 20,250        | 50        | 90,500         |         |
| 21 | 216 | Cao Đức Duy         | 20/01/2014          | Kinh    | Quyết Thắng              | 2025                | 6,25            | 7,6            | 6,375     | 20,225        | 50        | 90,450         |         |
| 22 | 609 | Nguyễn Chí Thành    | 25/05/2014          | Kinh    | Quyết Thắng              | 2025                | 5,5             | 6,85           | 7,875     | 20,225        | 50        | 90,450         |         |
| 23 | 022 | Từ Khánh An         | 02/10/2014          | Tày     | Ngọc Linh                | 2025                | 6,0             | 7,7            | 6,5       | 20,200        | 50        | 90,400         |         |
| 24 | 325 | Đinh Thế Huynh      | 19/07/2014          | Kinh    | Kim Đồng                 | 2025                | 6,0             | 5,55           | 8,625     | 20,175        | 50        | 90,350         |         |
| 25 | 388 | Hà Trung Kiên       | 17/06/2014          | Kinh    | Chiềng Sinh              | 2025                | 5,5             | 6,85           | 7,75      | 20,100        | 50        | 90,200         |         |
| 26 | 493 | Đào Thị Xuân Mỹ     | 22/04/2014          | Kinh    | Ngọc Linh                | 2025                | 6,25            | 7,1            | 6,75      | 20,100        | 50        | 90,200         |         |
| 27 | 056 | Nguyễn Lê Hoài Anh  | 23/08/2014          | Kinh    | Chiềng Lề                | 2025                | 6,25            | 6,2            | 7,625     | 20,075        | 50        | 90,150         |         |
| 28 | 690 | Nguyễn Bích Vân     | 13/10/2014          | Thái    | Quyết Thắng              | 2025                | 6,0             | 6,05           | 8,0       | 20,050        | 50        | 90,100         |         |
| 29 | 343 | Bùi Minh Khang      | 16/02/2014          | Kinh    | Ngọc Linh                | 2025                | 6,5             | 5,5            | 8,0       | 20,000        | 50        | 90,000         |         |
| 30 | 176 | Chiêu Quỳnh Chi     | 17/03/2014          | Thái    | Ngọc Linh                | 2025                | 6,75            | 7,7            | 7,5       | 21,950        | 46        | 89,900         |         |
| 31 | 139 | Tòng Thế Bình       | 15/09/2014          | Thái    | Kim Đồng                 | 2025                | 4,75            | 6,8            | 8,375     | 19,925        | 50        | 89,850         |         |
| 32 | 052 | Nguyễn Phạm Đức Anh | 05/04/2014          | Kinh    | Ngọc Linh                | 2025                | 5,5             | 6,25           | 8,125     | 19,875        | 50        | 89,750         |         |
| 33 | 361 | Lê Nam Khánh        | 24/09/2014          | Kinh    | Trần Quốc Toàn           | 2025                | 5,5             | 7,0            | 7,375     | 19,875        | 50        | 89,750         |         |
| 34 | 576 | Nguyễn Mai Phương   | 21/07/2014          | Kinh    | Ngọc Linh                | 2025                | 6,5             | 5,9            | 7,5       | 19,860        | 50        | 89,720         |         |
| 35 | 600 | Hoàng Thanh Sơn     | 31/10/2014          | Kinh    | Ngọc Linh                | 2025                | 6,75            | 5,1            | 8,0       | 19,850        | 50        | 89,700         |         |
| 36 | 432 | Nguyễn Hải Long     | 08/05/2014          | Kinh    | Ngọc Linh                | 2025                | 6,5             | 6,45           | 6,875     | 19,825        | 50        | 89,650         |         |
| 37 | 445 | Nguyễn Bình Minh    | 11/09/2014          | Kinh    | Quyết Thắng              | 2025                | 5,25            | 6,7            | 7,875     | 19,825        | 50        | 89,650         |         |



|    |     | Họ và tên học sinh | Ngày tháng năm sinh | Dân tộc | Học sinh trường tiểu học | Năm hoàn thành CTTH | Điểm Tiếng Việt | Điểm Tiếng Anh | Điểm Toán | Điểm năng lực | Điểm KQGD | Điểm xét tuyển | Ghi chú |
|----|-----|--------------------|---------------------|---------|--------------------------|---------------------|-----------------|----------------|-----------|---------------|-----------|----------------|---------|
| 38 | 606 | Quảng Minh Thái    | 15/08/2014          | Thái    | Trần Quốc Toàn           | 2025                | 5,25            | 6,05           | 8,5       | 19,800        | 50        | 89,600         |         |
| 39 | 030 | Nguyễn Thảo An     | 08/07/2014          | Kinh    | Ngọc Linh                | 2025                | 5,25            | 7,4            | 7,125     | 19,775        | 50        | 89,550         |         |
| 40 | 067 | Nguyễn Minh Anh    | 29/09/2014          | Kinh    | Ngọc Linh                | 2025                | 7,25            | 6,5            | 6,0       | 19,750        | 50        | 89,500         |         |
| 41 | 241 | Phan Cẩm Hải Đăng  | 04/09/2014          | Thái    | Ngọc Linh                | 2025                | 7,25            | 5,75           | 6,75      | 19,750        | 50        | 89,500         |         |
| 42 | 481 | Nghiêm Thái My     | 04/07/2014          | Kinh    | Bình Minh                | 2025                | 5,5             | 5,25           | 9,0       | 19,750        | 50        | 89,500         |         |
| 43 | 285 | Lò Ngọc Hân        | 16/01/2014          | Thái    | Quyết Thắng              | 2025                | 5,5             | 6,0            | 8,25      | 19,750        | 50        | 89,500         |         |
| 44 | 684 | Cao Bá Tùng        | 14/11/2014          | Kinh    | Chiềng Sinh              | 2025                | 6,5             | 5,6            | 7,625     | 19,725        | 50        | 89,450         |         |

Danh sách có 44 học sinh./

*2/12*